

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26-11-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Bích Vân và bà Hoàng Thị Giang

-Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Sinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 55/2025/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị T, sinh năm 1984. Căn cước công dân số 020184002713 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C cấp ngày 24/6/2022; địa chỉ: Thôn P, xã L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T1, sinh năm 1984. Căn cước công dân số 020084002522; địa chỉ: Thôn P, xã L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 06/10/2025, các lời khai sau đó và trong quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị T và anh Trần Văn T1 không được tự do tìm hiểu nhau, do gia đình mai mối nhưng anh chị tự nguyện kết hôn và chung sống vợ chồng, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương vào năm 2002. Do không hiểu biết nên anh chị chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì chung sống vợ chồng tại thôn P từ đó đến nay. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường khoảng 01 năm sau sinh cháu thứ 2 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh Trần Văn T1 không tu chí làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, đánh nhau, đã được hai bên gia

đình hàn gắn nhưng không thành. Chị Lý Thị T cũng cố gắng chịu đựng vì con cái nhưng anh Trần Văn T1 vẫn chứng nào tật đấy. Do vậy vợ chồng đã không chung sống với nhau được hai năm nay, chị Lý Thị T đi làm công ty từ tháng 10/2023 cho đến nay thỉnh thoảng mới về nhà thăm các con. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không liên lạc với nhau. Nay chị Lý Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T1. Chị Lý Thị T đề nghị không hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Thanh T2, sinh ngày 17/7/2002 và Trần Văn S, sinh ngày 05/10/2003. Đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và tự lập nên tôi không đề nghị xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn anh Trần Văn T1 không tham gia tố tụng.

Tại biên bản xác minh ngày 24/10/2025, ông Nguyễn Văn Đ - trưởng thôn Pò Khoang, xã L, tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin: Anh Trần Văn T1 đi làm công ty T3 mới về nhà. Mâu thuẫn vợ chồng anh Trần Văn T1 và chị Lý Thị T ông không nắm được nhưng có nghe mọi người nói lại là vợ chồng cũng thường xuyên mâu thuẫn. Chị Lý Thị T đi làm công ty sau đó về nhà ngoại sinh sống. Ông Nguyễn Văn Đ đã gọi điện, nhắn tin qua ứng dụng zalo cho anh Trần Văn T1 về các văn bản tố tụng của Tòa án, anh Trần Văn T1 có ý kiến là đồng ý ly hôn, về con chung đều đã trưởng thành, tự lập không có ý kiến gì. Tài sản chung, nợ chung: Không có. Anh Trần Văn T1 đề nghị giải quyết vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án do đi làm công ty không về được và đề nghị Tòa án giao văn bản cho trưởng thôn để trưởng thôn thông báo lại cho anh Trần Văn T1

Tại văn bản số: 851/UBND-VP ngày 24/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin tài liệu, chứng cứ về việc đăng ký kết hôn thể hiện: Sau khi thực hiện rà soát, xác minh, kiểm tra toàn bộ hồ sơ, sổ đăng ký kết hôn hiện đang lưu tại Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn cho thấy không có thông tin, hồ sơ về việc chị Lý Thị T và anh Trần Văn T1 đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K trước đây bao gồm: Xã X, xã X, xã B và Ủy ban nhân dân xã L sau sáp nhập. Ủy ban nhân dân xã L không có thông tin về việc hiện nay chị Lý Thị T và anh Trần Văn T1 có đăng ký tại địa phương khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng đầy đủ quy định theo Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93 đến Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt các đương sự. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục chuẩn bị khai mạc phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Chị Lý Thị T và anh Trần Văn T1 chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định. Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị T và anh Trần Văn T1. Về con chung: Có 02 người con chung là Trần Thanh T2, sinh ngày 17/7/2002 và Trần Văn S, sinh ngày 05/10/2003 đều đã trưởng thành, có khả năng lao động và tự lập nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã được Toà án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng không có mặt. Nguyên đơn đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quyền khởi kiện: Mặc dù chị Lý Thị T và anh Trần Văn T1 không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền, nhưng trên thực tế đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 và có hai người con chung. Do đó, chị Lý Thị T có quyền yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T1 theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

[3] Do chị Lý Thị T và anh Trần Văn T1 chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Lý Thị T và anh Trần Văn T1 chưa được xác lập theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trần Văn T1, đăng ký thường trú và chỗ ở tại thôn P, xã L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

[5] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xét thấy theo như lời khai của nguyên đơn và văn bản số 851/UBND-VP ngày 24/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn nơi thường trú của hai người, xác định chị Lý Thị T và anh Trần

Văn T1 chung sống với nhau không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 9; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị T và anh Trần Văn T1.

[6] Về con chung: Chị Lý Thị T và anh Trần Văn T1 có 02 người con chung là Trần Thanh T2, sinh ngày 17/7/2002 và Trần Văn S, sinh ngày 05/10/2003 đều đã trưởng thành, có khả năng lao động và tự lập, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[10] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị T và anh Trần Văn T1.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Lý Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Lý Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000532 ngày 16/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lý Thị T, bị đơn anh Trần Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Lạng Sơn
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai

